

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/DS-ST
Ngày: 23/8/2018
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG,
TỈNH KHÁNH HÒA**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
 - **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà **Bùi Thị Bích Liễu**
 - **Các Hội thẩm nhân dân:**
 1. Ông **Nguyễn Đức Đẹp,**
 2. Bà **Nguyễn Thị Mộng Lành.**
 - **Thư ký phiên tòa:** Ông **Đào Minh Tuấn** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
 - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **Lê Ánh Dương** - Kiểm sát viên.
- Ngày 23 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 547/2017/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2017 về việc “***Tranh chấp hợp đồng tín dụng***” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2018, các Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2018/QĐST-DS ngày 29/6/2018 và số 34/2018/QĐST-DS ngày 18/7/2018 giữa các đương sự:
1. **Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam**
Địa chỉ: C5 Bán đảo Linh Đàm, quận Hoàng Mai, Hà Nội.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Hồ Đắc T** – Phó giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.
 2. **Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc L**
Địa chỉ: Thôn Phước Đ (nay thôn Phước T), xã Phước Đ, Nha T. Vắng mặt.
 3. **Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Ông Lê T**
Địa chỉ: Thôn Phước Đ (nay thôn Phước T), xã Phước Đ, Nha T. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 23/10/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/11/2017, bản tự khai ngày 23/3/2018, ngày 23/4/2018 người đại diện cho nguyên đơn - ông Hồ Đắc T trình bày: Ngày 15/7/2011, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Khánh Hòa có cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị Trúc L vay số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 20/6/2011 và Sổ vay vốn số 4001032318; Mục đích vay: chi phí xây dựng công trình nước sạch và công trình vệ sinh; Lãi suất: 0,9%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất khi cho vay; Thời hạn vay 60 tháng; Kỳ hạn trả nợ 6 tháng/lần; Hạn trả nợ cuối cùng 15/7/2016.

Khi hết hạn trả nợ hộ bà Nguyễn Thị Trúc L không trả được nợ gốc là 8.000.000 đồng nên Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Khánh Hòa đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 16/7/2016.

Tổng số tiền mà hộ bà L đã nộp vào Ngân hàng là 4.284.000 đồng, trong đó tiền gốc là 800.000 đồng, tiền lãi trong hạn từ ngày 15/7/2011 đến ngày 15/7/2016 là 3.484.000 đồng.

Nay Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam đề nghị Tòa án giải quyết buộc hộ gia đình bà Nguyễn Thị Trúc L trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam số tiền nợ cụ thể như sau:

Nợ gốc: 7.200.000 đồng;

Lãi trong hạn: 664.200 đồng;

Lãi quá hạn từ ngày 15/7/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 23/8/2018: 2.148.120 đồng;

Tổng số tiền là: 10.012.320 đồng (*Mười triệu không trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi đồng*).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang đã tiến hành xác minh và thực hiện việc tổng đạt và niêm yết nhiều lần theo quy định pháp luật nhưng hộ gia đình bà L gồm bà Nguyễn Thị Trúc L, chồng là ông Lê T không có ý kiến trình bày do vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 7.200.000 đồng; Lãi trong hạn: 664.200 đồng; Lãi quá hạn từ ngày 15/7/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 23/8/2018: 2.148.120 đồng; Tổng số tiền là: 10.012.320 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. *Về thẩm quyền giải quyết:* Đây là vụ án tranh chấp về dân sự, bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn Phước Đ (nay thôn Phước T), xã Phước Đ, Nha T, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. *Về quan hệ tranh chấp và thời hiệu khởi kiện:* Quan hệ tranh chấp được xác lập bằng Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 20/6/2011 và Sổ vay vốn số 4001032318 giữa Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam và hộ gia đình bà Nguyễn Thị Trúc L, thời hạn vay là 60 tháng. Đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng và thời hiệu khởi kiện vụ án vẫn còn.

1.3. *Về trình tự thủ tục:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhiều lần không có lý do, Tòa án tiến hành niêm yết công khai tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, Ủy ban nhân dân xã Phước Đồng, thành phố Nha Trang và tại địa chỉ nơi ở của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Trúc L tại thôn Phước Đ (nay thôn Phước T), xã Phước Đ, Nha T theo Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Ngày 15/7/2011, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Khánh Hòa có cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị Trúc L vay số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 20/6/2011 và Sổ vay vốn số 4001032318; Mục đích vay: chi phí xây dựng công trình nước sạch và công trình vệ sinh; Lãi suất: 0,9%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất khi cho vay; Thời hạn vay 60 tháng; Kỳ hạn trả nợ 6 tháng/lần; Hạn trả nợ cuối cùng 15/7/2016.

Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhưng hộ gia đình bà L vẫn không thực hiện việc trả nợ. Do đến hạn trả nợ hộ bà L không trả được nợ gốc là 7.200.000 đồng nên Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Khánh Hòa đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 16/7/2016.

2.2. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam yêu cầu hộ gia đình bà L phải trả số tiền nợ gốc là 7.200.000 đồng, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn. Hội đồng xét xử nhận thấy: Hộ gia đình bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đến tận nhà đòi nợ nhưng hộ bà L vẫn không trả nợ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên cần chấp nhận, buộc hộ gia đình bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Lê T phải trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam số tiền nợ gốc là 7.200.000 đồng, Lãi trong hạn: 664.200 đồng; Lãi quá hạn từ ngày 15/7/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 23/8/2018: 2.148.120 đồng; Tổng số tiền là: 10.012.320 đồng, là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với nghĩa vụ chậm thi hành án tiền vay do tổ chức tín dụng cho vay, áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao để tính tiền lãi chậm trả.

2.3. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên hộ gia đình bà Nguyễn Thị Trúc L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại số tiền gốc là 7.200.000 đồng; Lãi trong hạn: 664.200 đồng; Lãi quá hạn từ ngày 15/7/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 23/8/2018: 2.148.120 đồng; Tổng số tiền là: 10.012.320 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 298, 471, 474, 478 của Bộ luật dân sự 2005;
- Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao để tính tiền lãi chậm trả;
- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 177, 179, 185, 227, 228, 233, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc hộ gia đình bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Lê T phải trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam số tiền nợ gốc là 7.200.000 đồng, Lãi trong hạn: 664.200 đồng; Lãi quá hạn từ ngày 15/7/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 23/8/2018: 2.148.120 đồng; Tổng số tiền là: 10.012.320 đồng (*Mười triệu không trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi đồng*).

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

2. Án phí:

- Bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Lê T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.012.320đ x 5% = 500.616 đồng (*Năm trăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng*).
- Hoàn lại cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0008010 ngày 11/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang.

** Quy định:* Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

*** Nơi nhận:**

- VKSND TP. Nha Trang;
- Đương sự;
- Chi cục THADS NT;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- UBND xã Phước Đồng, Nha Trang;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thị Bích Liễu